TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/DS-ST
Ngày: 24/8/2022
"V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Lê Văn Phụng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 367/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị R (10 vợ Phol), sinh năm 1966; địa chỉ: ấp A, xã AT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt (do có ý kiến đề nghị vắng mặt tại văn bản ghi nhận lời khai ngày 02/6/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị R trình bày, bà Huỳnh Thị R có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Đ, cụ thể:

- Dây hụi thứ I, dây này 1.000.000 đồng khởi khui ngày 20/8/2019 âm lịch, có 23 hụi viên, bà R tham gia mỗi dây là 01 chân hụi chầu được 20 lần hụi sống, hụi này chưa mảng, đến ngày 28/3/2021 thì bà Đ kêu vỡ hụi, nên bà chưa hốt hụi. Tổng số tiền đã chầu tại dây hụi này là 14.840.000đồng, tiền lời là 5.160.000đồng.

- Dây hụi thứ II hụi 1.000.000 đồng khởi khui ngày 20/8/2019 âm lịch, có 22 hụi viên, bà R tham gia mỗi dây là 01 chân hụi chầu được 20 lần hụi sống, hụi này chưa mảng, đến ngày 28/3/2021 thì bà Đ kêu vỡ hụi, nên bà chưa hốt hụi. Tổng số tiền đã chầu hụi của dây hụi này là số tiền là 12.640.000đồng, lời của dây hụi là 7.360.000đồng.

- Dây hụi thứ III hụi 1.000.000 đồng khởi khui ngày 10/10/2019 âm lịch, có 25 hụi viên, bà R tham gia mỗi dây là 01 chân hụi chầu được 19 lần hụi sống, hụi này chưa mảng, đến ngày 28/3/2021 thì bà Đ kêu vỡ hụi, nên bà chưa hốt hụi. Tổng số tiền đã chầu hụi của dây hụi này là số tiền là 14.090.000đồng, lời của dây hụi là 4.910.000đồng. Ngày 28/3/2021 bà Đ tuyên bố bể hụi. Như vậy, tổng số tiền hụi sống bà R đã chầu cho bà Đ tại 03 dây hụi chân hụi là 41.570.000đồng, như vậy tôi rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 17.430.000đồng.

Nay xác định, số tiền tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho tôi số tiền hụi tôi đã chầu của cả 03 dây hụi là 41.570.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 20/6/2022, bà R đã thống nhất số tiền bà Đ, ông T còn nợ hụi là: 42.960.000đồng, còn trước đây tại đơn khởi kiện là 59.000.000đồng, nên bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, với số tiền là 16.040.000đồng, bà yêu cầu bà Đ, ông T phải liên đới thanh toán số tiền là 42.960.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà không đồng ý với bà Đ về việc trả dần tiền hàng tháng là 500.000đồng/tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tại biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày, bà có làm chủ hụi, trong đó bà Huỳnh Thị R (vợ Phol) là hụi viên tại các dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi thứ I dây này 1.000.000 đồng khởi khui ngày 20/8/2019 âm lịch, có 22 hụi viên, bà R tham gia mỗi dây là 01 chân hụi chầu được 20 lần (20 tháng) hụi sống, hụi này chưa mảng, đến ngày 28/3/2021 âm lịch tôi kêu vỡ hụi, nên bà R chưa hốt hụi. Tổng số tiền đã chầu tại dây hụi này là 14.740.000đồng, tiền lời là 5.260.000đồng.

- Dây hụi thứ II dây này 1.000.000 đồng khởi khui ngày 20/8/2019 âm lịch, có 23 hụi viên, bà R tham gia mỗi dây là 01 chân hụi chầu được 20 lần (20 tháng) hụi sống, hụi này chưa mảng, đến ngày 28/3/2021 âm lịch tôi kêu vỡ hụi, nên bà R chưa hốt hụi. Tổng số tiền đã chầu tại dây hụi này là 14.390.000đồng, tiền lời là 5.610.000đồng.

- Dây hụi thứ III hụi 1.000.000 đồng khởi khui ngày 10/10/2019 âm lịch, có 25 hụi viên, bà R tham gia mỗi dây là 01 chân hụi chầu được 19 lần (19 tháng) hụi sống, hụi này chưa mảng, đến ngày 28/3/2021 âm lịch thì bà Đ kêu

vỡ hụi, nên bà R chưa hốt hụi. Tổng số tiền đã chầu hụi của dây hụi này là số tiền là 13.830.000đồng, lời của dây hụi là 5.170.000đồng.

Tổng số tiền của 03 dây hụi, với số tiền vốn là 42.960.000đồng. Bà Đ đề nghị trả cho bà R hàng tháng với số tiền là 500.000đồng/tháng.

Đối với các dây hụi, chồng tôi là ông Nguyễn Văn T có biết, có những lúc thu giúp hụi cho tôi, tiền hụi cũng sử dụng chung vào sinh hoạt gia đình, cũng như phát triển kinh tế gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến tại các phiên hòa giải. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận lời khai, do cán bộ Tòa án thực hiện ghi nhận ý kiến của ông T; ông T đã trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 1983 đến nay, ông có nhận và biết được Tòa án mời làm việc do các nguyên đơn với tư cách là hụi viên khởi kiện vợ ông bà Đ là chủ hụi, do sau khi thực hiện khui hụi không thực hiện trả tiền hụi cho các hụi viên; ông có biết bà Đ là chủ hụi nhưng không biết việc ai là hụi viên, cũng như bà Đ khi thu tiền hụi, trả tiền hụi cho ai ông hoàn toàn không nắm được, cũng như không thực hiện thu hụi của các hụi viên thay bà Đ. Bà Đ khi thu tiền hụi, có tiền lời bao nhiêu ông không biết, bà Đ là vợ ông, là chủ hụi từ khoảng hơn 10 năm nay, việc bà Đ bể hụi ông biết, do bà Đ có báo cho ông, ông không đồng ý liên đới với bà Đ do ông không biết các hụi viên, không thu hụi, không biết bà Đ dùng tiền hụi vào mục đích gì; ngoài ra bà Đ còn bị rất nhiều người giựt hụi, ông phải T phụ bà Đ trả thay, ông biết việc đưa ông tham gia tố tụng, nhưng đề nghị vắng mặt tại các phiên hòa giải, đối chất, lấy lời khai và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Bà Huỳnh Thị R, trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Huỳnh Thị R đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Văn T, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ bà R khởi kiện là các dây hụi ngày 20/8/2019 âm lịch, 10/10/2019 âm lịch quá trình giải quyết vụ án bà R xác định bà Đ còn nợ số tiền là 42.960.000đồng, không yêu cầu tính lãi, đồng thời bà Đ cũng thừa nhận còn nợ bà R số tiền 42.960.000đồng, nên bà R khởi kiện là có căn cứ. Đối với việc bà Đ xin trả dần hàng tháng, do bà R không đồng ý nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà R rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 16.040.000đồng, nên có căn cứ đình chỉ yêu cầu này.

Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T liên đới trả số tiền 42.960.000đồng. Thấy rằng, trong thời gian bà Đ làm chủ hụi, bà Đ và ông T thừa nhận là vợ chồng, chung sống cùng nhau. Mặc khác, bà Đ thừa nhận, việc bà chơi hụi nhằm mục đích tạo thu nhập để phục vụ cuộc sống, sinh hoạt cho gia đình, ông T biết việc bà làm chủ hụi và đôi khi ông T có thay bà Đ nhận tiền hụi của hụi viên đến đóng hụi. Vì vậy, có căn cứ xác định rằng, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T trả cho ông Nguyễn Ngọc Tuấn số tiền 42.960.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 16.040.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 23 Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị R khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán tiền hụi, bà Đ là người bị kiện đang cư trú tại địa bàn huyện Chợ Mới, giữa các bên công nhận có chơi hụi, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là "tranh chấp về Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Huỳnh Thị R, tham các dây hụi do bà Đ làm chủ hụi, tại đơn khởi kiện, cũng như tại biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận lời khai, bà R và thống nhất về số tiền bà Đ còn nợ hụi là 42.960.000đồng, các đương sự đều thống nhất về các dây hụi, ngày khui hụi, số lần chầu hụi, tiền chầu hụi, tiền lời hụi; việc thừa nhận, thống nhất của các đương sự là sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giữa bà R và bà Đ có quan hệ chơi hụi, theo đó bà Đ là chủ hụi, các đương sự đối chiếu, thống nhất số tiền đến nay bà Đ còn nợ tiền hụi của bà R là 42.960.000đồng, bà R không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử thống nhất, việc bà R yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, lời trình bày của bà R phù hợp với lời trình bày của bà Đ, cũng như số tiền, số lần khởi khui hụi các đương sự đều thống nhất; theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà R, yêu cầu bà Đ và ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền nợ hụi, thì thấy: việc ông T cho rằng, ông không có trách nhiệm liên đới với bà Đ, vì không biết bà Đ dùng tiền vào việc gì, nhưng ông lại biết việc bà Đ là chủ hụi hơn 10 năm nay, ông T cũng biết việc bà Đ vỡ hụi, cũng phụ bà Đ trong việc trả tiền hụi đối với người chơi hụi (Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 đối với ông T), bà Đ cũng khẳng định việc làm chủ hụi, tiền lời hụi bà dùng chung vào mục đích sinh hoạt gia đình. Do đó, có cơ sở xác định ông T hoàn toàn biết việc bà Đ là chủ hụi, biết việc bà Đ là người T nhận tiền từ các hụi viên, nên ông cho rằng không có trách nhiệm liên đới là không có căn cứ, cả ông T và bà Đ đều thừa nhận là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, bà Đ và ông T cùng sống chung nhà, bà Đ có dùng tiền chơi hụi vào mục đích chung trong sinh hoạt gia đình theo như lời trình bày của bà Đ, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R về việc buộc bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và thực hiện nghĩa vụ của hụi viên, người tham gia hụi theo quy định tại Nghị định số 19/20219/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, do bà R không đồng ý việc bà Đ trả dần, nên bà Đ, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà R số tiền hụi đến nay chưa thanh toán là: 42.960.000đồng.

[2.2] Tại đơn khởi kiện, bà R yêu cầu bà Đ, ông T phải liên đới thanh toán số tiền là kiện là 59.000.000đồng, quá trình giải quyết vụ án, bà R rút một phần yêu cầu khởi kiện, với số tiền là 16.040.000đồng, việc rút yêu cầu của bà R là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với số tiền 16.040.000đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R được chấp nhận, nên bà R được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí tương ứng với số tiền 42.960.000đồng, nhưng do bà Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới Bình toán nợ, nên cả bà Đ, ông T phải liên đới chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hụi, họ, điêu, phường của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị R đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T;

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả bà Huỳnh Thị R số 42.960.000đồng *(bốn mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 16.040.000đồng *(mười sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).*

2. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị R số tiền 1.475.000 đồng *(một triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004633 ngày 17 tháng 5 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.148.000đồng *(hai triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huỳnh Thị R có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên